



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Review Article

Presumption of innocence - Awareness And a Nation's Constitutional Provisions

Nguyen Dang Dung*, Nguyen Dang Duy

*VNU School of Law, Vietnam National University Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 21 August 2020

Revised 14 September 2020; Accepted 29 September 2020

Abstract: Presumption of innocence that until now has been recognized as universal human rights norm, has been adopted and guaranteed in many national constitutions. Despite some limitations in comprehension, first 10 Amendments of the US Constitution is the first legal instrument that ever adopted this principal in the world. The history of constitution making in Vietnam also shows a complicated development in awareness on the principal, after 5 times of amendment, presumption of innocence was finally recognized in the Constitution.

Keywords: Presumption of innocence, awareness, constitutional provisions.

* Corresponding author.

E-mail address: dangdung52.pld@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4322>

Suy đoán vô tội - nhận thức và quy định trong hiến pháp của quốc gia

Nguyễn Đăng Dung*, Nguyễn Đăng Duy

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 21 tháng 8 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 14 tháng 9 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 9 năm 2020

Tóm tắt: Suy đoán vô tội - một vấn đề nhận thức mãi cho đến ngày nay mới được thừa nhận một cách phổ biến như là quyền con người và được nhiều hiến pháp của các quốc gia ghi nhận và bảo đảm thực hiện. Là bản thành văn đầu tiên của thế giới được thông qua khi chưa có nhận thức đầy đủ, nhưng những biểu hiện của suy đoán vô tội đã được Hiến pháp Mỹ quy định rõ ràng trong 10 tu chính án đầu tiên của mình. Lịch sử lập hiến Việt Nam cũng thể hiện nhận thức khó khăn không kém, sau 5 lần sửa đổi suy đoán vô tội mới những quy định một cách trang trọng và đầy đủ.

Từ khóa: Suy đoán vô tội, nhận thức, quy định hiến pháp.

1. Suy đoán vô tội - vấn đề nhận thức triết học và nguyên tắc hiến định

Nguyên tắc suy đoán vô tội là nguyên tắc quan trọng trong đời sống xã hội hiện đại. Trong đó có cả Việt Nam. Nhưng rất tiếc rằng, trong xã hội cũng như trong giới thuật nguyên tắc này rất ít được quan tâm. Trong bài tiểu luận này tôi muốn chỉ ra nguyên nhân của vấn đề. Những năm qua trong lý thuyết, trong học thuật chúng ta ít quan tâm đến vấn đề này, chỉ mãi cho đến hiện nay sau vụ án xét xử của Tòa án tối cao phiên xét xử giám đốc thẩm của vụ án Hồ Duy Hải ngày 8 tháng 5 năm 2020 mới thấy rõ ràng nội hàm của nguyên tắc này chưa được hiểu một cách thống nhất, ngay ở cấp xét xử ở cấp cao nhất, nơi sáng giá nhất về tư duy tư pháp ở Việt Nam.

- Về nhận thức của nguyên tắc suy đoán vô tội.

Đã gọi là nhận thức thì tôi muốn thấy nhận thức luận của vấn đề suy đoán vô tội thuộc vấn đề triết học: Suy đoán vô tội và suy đoán có tội như là một cuộc cách mạng trong nhận thức về tội phạm. Đây là cuộc cách mạng về nhận thức mà Im. Kant, một nhà triết gia người Đức thời Khai sáng đã mang lại cho nhận thức. Nhiều người trong giới triết học vẫn thường ví việc

đem lại nhận thức mới trong triết học của Im. Kant như của Copernic trong lĩnh vực thiên văn học. Cuộc cách mạng của Copernic là lấy lý thuyết Mặt trời làm trung tâm để thay thế cho thuyết địa cầu, qua đó lật đổ lý luận về thiên văn học Ptolemy của Kitô giáo. Kant cũng cho rằng trong triết học một cuộc cách mạng tương tự, tức lật ngược niềm tin trong truyền thống về nhận thức khái niệm phải phù hợp với đối tượng, do đối tượng quyết định thay cho nhận thức luận trước đây cho rằng đối tượng phải phù hợp với khái niệm [1].

Áp dụng nhận thức theo cách của Im. Kant, trong lĩnh vực tư pháp hình sự, thì nhận thức các chủ thể điều tra, buộc tội phải phù hợp một cách khách quan với các hiện tượng của tội phạm, mà không phải ngược lại các hiện tượng của tội phạm buộc phải phù hợp với ý chí chủ quan của điều tra, và buộc tội.

- Suy đoán vô tội là quyền con người và phải là vấn đề hiến định - ở đạo luật cơ bản có hiệu lực tối cao của quốc gia, mà không phải chỉ được quy định ở tầm luật/lập pháp hay nhất là ở tầm dưới luật của các quyết định của các cơ quan hành pháp hoặc tư pháp. Việc Hiến pháp quy định rõ nguyên tắc suy đoán vô tội thể hiện sự hiện đại, sự văn minh của quốc gia.

Hiến pháp phải có quy định về suy đoán vô tội. Việc quy định hay không quy định trong đạo luật có hiệu lực tối cao phụ thuộc vào tầm quan trọng của vấn đề. Hay nói cách khác trong quyền suy đoán vô tội có một giá trị rất lớn trong vô số các quyền của con người. Việc quy định trong hiến pháp còn là một trong những biểu hiện của mục tiêu bảo vệ nhân quyền của nhà nước, của khế ước xã hội.

Trả lời nghi vấn này, phải xem lại mục đích của nhà nước, dưới góc độ triết học của nó. Xét cho đến cùng mục đích của nhà nước là bảo vệ quyền bình đẳng con người. [2] Bên cạnh việc có trách nhiệm phải bảo vệ quyền của nhiều người bị xâm phạm là việc phải trừng trị những kẻ xâm phạm quyền của người khác, bằng cách tước bỏ hay hạn chế quyền của họ. Việc bảo vệ cũng như việc tước bỏ để trừng trị ít nhất là có mức độ quan trọng như nhau. Rất tiếc rằng Hiến pháp của nhiều quốc gia vẫn nghiêng về góc độ bảo vệ, bảo đảm.

Trong tất cả các tuyên ngôn chính về quyền con người bắt đầu với *Đại hiến chương Anh quốc (Magna Charta - 1215)* và *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền Pháp (1789)*, Nhân quyền năm 1791 của Mỹ quốc đều phảng phất sự so sánh trên, bảo vệ cũng phải cân trọng, và tước bỏ cũng phải cân trọng. Việc cấm các hành vi bắt và giam giữ một cách tùy tiện quy định trong trong các Hiến pháp các nước trên thế giới hiện nay có nguồn gốc lịch sử tương tự một khẩu hiệu mang tính chương trình về quyền tự do. Theo cách quy định của *Đại hiến chương Anh quốc* thì: Không có một người tự do nào bị bắt, cầm tù, tước đoạt, cấm đoán, lưu đày hay bất kì một hành vi hủy hoại nào khác, chúng ta cũng sẽ không truy đuổi người đó, trừ trường hợp có quyết định hợp pháp từ những người cùng hạng với anh ta, hoặc theo luật của quốc gia. Đó là những lý do cho việc ra đời của Đoàn bồi thẩm của các nước phương Tây và Hội thẩm nhân dân của các nước Xã hội chủ nghĩa và của Việt Nam Cộng hòa xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích của người dân, cũng như không được xâm phạm đến quyền và lợi ích của người dân không những phải được công bố trong các văn bản của nhà

nước, mà còn phải truyền truyền công khai cho người dân biết. Vì hành vi làm đúng là bảo vệ, nằm ngay và bên cạnh những hành vi làm sai là hủy hoại quyền và lợi ích chính đáng quyền và lợi ích của người dân. Những ông vua Thụy Điển thời Trung cổ sau khi lên ngôi đều phải đi vòng quanh đất nước và tuyên thệ nguyện trung thành với thần dân, hứa rằng sẽ không “hủy hoại cuộc sống hay thân thể của bất kỳ ai, bất kể kẻ giàu nghèo, trừ khi người đó phạm tội và trừng phạt theo luật Thụy Điển...”[3, tr.221]

Đại hiến chương Anh quốc một văn bản cổ mà ngày nay được các học giả thừa nhận là manh nha của các bản Hiến pháp sau này, chỉ đảm bảo các quyền cho một nhóm người nhất định là tầng lớp quý tộc phong kiến, cũng đã quy định rằng việc bắt giữ hay giam hãm phải hợp pháp, và bảo vệ các cá nhân khỏi việc lạm quyền của người cai trị. Những quyền này của giới quý tộc Anh quốc ngày nay đã được mở rộng cho tất cả mọi người dân không phân biệt đẳng cấp giàu, nghèo, hay màu da chủng tộc, mà ngày nay được chúng ta gọi là nhân quyền, quyền con người.

Tiếp theo *Đại Hiến chương* của Anh quốc năm 1215 vấn đề bảo vệ cá nhân khỏi việc bắt hay giam giữ tùy tiện được xem là một khía cạnh chính và là sự cụ thể hóa cơ bản quyền tự do của con người của những năm tiếp theo của thời kỳ Phục hưng và Khai sáng của lịch sử tiến bộ nhân loại. Sự bảo vệ này cũng được nêu rõ trong *Luật về các quyền (1689)* và các *Luật bảo thân (Habeas Corpus Acts) (1640, 1679)*. Sau Cách mạng Pháp và sự ra đời của *Tuyên ngôn về nhân quyền (1789)*, quyền này được phát triển và phạm vi áp dụng cũng được mở rộng cùng với việc quyền tự do bảo đảm cho công dân được quy định trong hiến pháp của các quốc gia. Các vấn đề nêu trên đều những vấn đề đặt nền tảng cho sự phát triển dân chủ và hiến pháp sau này. [3, tr.222]

Nhân quyền là một vấn đề phức tạp, phát triển theo thời đại, không biết bao nhiêu mà kể. Đây cũng là luận cứ của những “người liên bang” (federalists) luận giải việc không quy định nhân quyền trong dự thảo Hiến pháp Mỹ năm 1787. Hơn nữa rằng, với việc phân quyền cứng nhắc, và hệ thống kim chế đối trọng nhân

quyền của họ khó có thể vi phạm. Nhưng với sự cương quyết của phe chống liên bang (antifederalists), cuối cùng nhân quyền quyền vẫn được quy định bằng 10 tu chính án ngay sau khi dự thảo được các tiểu bang phê chuẩn. 10 tu chính này gồm 10 điều sửa Hiến pháp được gọi là nhân quyền của họ.

Thực tế trong của Hiến pháp Mỹ không có quy định nào trực tiếp về suy đoán vô tội. Thời điểm của thế kỷ XVIII, khi Hiến pháp được thông qua suy đoán vô tội chưa được nhận biết ra một cách phổ biến như hiện nay. Những tu chính án này được có tác dụng giới hạn khả năng xâm phạm của chính quyền đối với các quyền tự do cá nhân, kể cả tự do ngôn luận, tự do báo chí, hội họp và tôn giáo. Đó là những quyền bất khả xâm phạm. Những quyền này không phải hữu hạn, chúng lại hiện hữu một cách độc lập không phụ thuộc vào chính quyền, khác với một chính thể không bị hạn chế, một chính thể dân chủ không thể huỷ bỏ một cách tùy tiện các quyền này bằng một đạo luật hoặc quyết định nhất thời của đa số chính quyền được dân chúng bầu ra. Những tu chính án đầu tiên của Hiến pháp Mỹ được thông qua năm 1791 mà sau này được gọi là nhân quyền của Hợp chúng quốc.

Điều đáng cần phải lưu ý rằng, gần 2/3 điều khoản của Luật Nhân quyền của Mỹ quốc (The Bill of Rights) nhằm bảo vệ quyền của những người bị tình nghi hay bị buộc tội/ bị can, bị cáo- những người đang ở dạng nghi ngờ quyền của họ sẽ bị tước bỏ. Tập hợp những điều khoản này có thể gọi là quyền suy đoán vô tội. Những quyền này gồm những quy định bảo vệ bị can, bị cáo trong quá trình xét xử theo luật, xét xử theo nguyên tắc công bằng, không tự buộc tội và không bị xử phạt tàn bạo hay bất thường, và không bị buộc tội 2 lần về cùng một tội phạm. [4, 17] Đó là những biểu hiện của quyền suy đoán vô tội, hay còn được gọi là nội hàm của suy đoán vô tội. Quyền con người là một phạm trù bao quát rất rộng, không biết bao nhiêu mà kể. Đây cũng là một trong những lý do giải thích tại sao thuở ban đầu của dự thảo Hiến pháp không có phần quy định về nhân quyền, bị các đại biểu phản đối rất dữ dội. Nhưng một khi đã được quy định thì như trên

đã nói thì có tới 2/3 điều khoản quy định có liên quan đến việc bảo vệ quyền của bị can, bị cáo. Đó là những quy định, với nội dung biểu hiện của quyền suy đoán vô tội. Sở dĩ phải như vậy, bởi lẽ rằng đứng trước các chủ thể có quyền tiến hành tố tụng của nhà nước như cảnh sát điều tra, công tố ủy viên và các thẩm phán, với quyền lực nhà nước trong tay, cùng với những trang thiết bị như vũ khí và kể cả chuyên môn và nghiệp vụ, các bị can bị cáo có vị thế rất nhỏ nhoi, bất lợi rất dễ rơi vào tình trạng oan sai.

Ông Melvin Urofsky, một trong những nhà nghiên cứu lịch sử và chính sách công, thuộc Đại học Thịnh vượng chung Virginia trong tác phẩm *Các quyền con người được đảm bảo bằng Hiến pháp* đã viết:

"Một số người lấy làm lạ khi thấy có quá nhiều bảo đảm đến vậy trong Tuyên ngôn Nhân quyền (Bill of Rights) dành cho việc bảo vệ những người bị buộc tội (bị can, bị cáo):

Điều bổ sung Thứ Tư của Hiến pháp yêu cầu cần phải có những bảo đảm đối việc truy tố và bắt giữ;

Điều bổ sung Thứ Năm yêu cầu cáo trạng phải do một bồi thẩm đoàn đưa ra, cấm đe dọa đối với bị cáo trong các thủ tục tố tụng, và bảo vệ họ không bị buộc phải làm chứng chống lại chính mình, và bảo đảm pháp luật phải được thực thi một cách thích hợp, công bằng;

Tu chính án Thứ Sáu đảm bảo cho bị cáo quyền được biết tội danh, được đối chất với nhân chứng, quyền được giúp đỡ tư vấn pháp lý;

Và điều bổ sung Thứ Tám bảo đảm rằng ngay cả khi một người được kết tội sau một phiên tòa công minh thì sự trừng phạt cũng phải tương ứng với tội của người đó. Một người không thể bị phạt một triệu đô - la, chỉ vì vi phạm luật giao thông, bị chặt tay chỉ vì làm giả một tờ séc, hay bị tử hình chỉ vì bị tội buôn lậu.

Ở đây cũng vậy, những quyền dành ngay cho cả những người bị kết án cũng cần phải được tôn trọng để sao cho một xã hội dân chủ có thể đặt niềm tin vào hệ thống tư pháp, và rằng chính bản thân hệ thống đó không bị làm lạc, lạm dụng như một phương tiện để đàn áp dân chúng. Đây chính là một lý tưởng, và nếu như thực tế cuộc sống đôi khi không được như

mong muốn, thì sự bảo vệ này sẽ có vai trò như một chuẩn mực mà một xã hội dân chủ cần phải cố gắng vươn tới" [5].

Người Mỹ rất tự hào về những điều quy định này. Đó là nhân quyền của họ. Đây cũng là lý do chính yếu giải thích tại sao họ phê chuẩn các quy định của Công ước nhân quyền chậm hơn nhiều nước, mặc dù họ có đại diện chủ chốt trong vai trò lãnh đạo, cùng là xướng ra những Công ước nhân quyền của Liên Hợp quốc những năm sau Chiến tranh thế giới thứ 2.

Một trong những điều kiện ngang bằng trước pháp luật, hay còn được gọi là bình đẳng trước pháp luật là các bị can, bị cáo được bảo vệ bình đẳng trước sức mạnh của các cơ quan tiến hành tố tụng. Trước hết và quan trọng nhất là quyền có luật sư của họ. "Ngay cả những người dân thông minh nhất và có cả trình độ văn hoá cũng rất ít và đôi khi không có kỹ năng về khoa học pháp lý. Nếu bị buộc tội thì người đó khó có khả năng tự quyết định xem bản cáo trạng đó đúng hay là sai. Người đó không quen với quy tắc chứng cứ, không thân thuộc với quy tắc làm việc của tòa án. Nếu bị bỏ mặc không có sự giúp đỡ của luật sư, người đó có thể thua kiện mà không có một bản cáo trạng chính xác và bị kết án với những chứng cứ không xác đáng, hoặc chứng cứ không liên quan đến vấn đề hoặc không thể chấp nhận được. Cho dù người đó có sẵn nội dung bào chữa hoàn hảo, nhưng anh ta thiếu kỹ năng và kiến thức chuẩn bị bào chữa. Người đó cần có có sự dẫn dắt của luật sư trong từng bước đi của quy trình tố tụng. Không có sự dẫn dắt này, tuy không có tội nhưng họ vẫn phải đối mặt với nguy cơ kết tội, vì họ không biết làm thế nào để chứng minh sự vô tội của mình. Nếu điều này là thật đối với người thông minh có văn hoá, thì đối với người khác còn tệ hơn nhiều lần" [5].

Những điều cấm nêu ở phần trên hoàn toàn không có nghĩa là chính quyền thiếu đi những quyền hạn cần thiết để thi hành luật pháp và trừng phạt những kẻ phạm pháp. Mà trái lại, hệ thống hình sự trong một xã hội dân chủ sẽ hiệu quả rất lớn, mà khi đem thi hành, mọi người dân sẽ cho rằng hệ thống này là công bằng và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cá nhân, trong đó có quyền lợi của chính cá nhân họ. Những

quyền lợi mà bất kể ai cũng được hưởng, cho dù họ là đa số, hay rơi vào thiểu số, khi thực hiện quyền tự do chính trị của mình thành lập ra các cơ cấu của chính quyền. Làm như vậy đôi khi có thể có trường hợp tội phạm thoát khỏi sự trừng trị. Đó là cái giá phải trả của một hệ thống thực hiện quy trình *tố tụng đúng luật* với một mục đích tối cao là không có một người vô tội nào có thể bị trừng trị.

Trong bộ máy chính quyền nhiều cơ quan được thành lập bằng phương pháp bầu cử lấy đa số làm chuẩn mực phân biệt sự thành công hay thất bại. Lập pháp và hành pháp, tức Quốc hội và Tổng thống đều được thành lập từ phương pháp bầu cử, nên hoạt động của hai cơ quan cơ bản này đều buộc phải thể hiện ý chí của đa số. Khi thực hiện ý chí của đa số các cơ quan nêu trên phải có động tác tính đến quyền lợi của thiểu số. Chỉ còn lại một cơ quan tư pháp - Tòa án không được thành lập bằng cơ sở dân chủ (bầu cử), mà do sự bổ nhiệm của cấp trên sẽ rất có khả năng cho việc bảo vệ quyền lợi của người thiểu số và quyền lợi của cá nhân. Charles Evans Hughes, Chánh án Tòa án Tối cao Hợp chúng quốc Hoa kỳ nói: "*Ngành Tư pháp là ngành bảo vệ quyền tự do và tài sản của chúng ta*" [6]. Một chính quyền dân chủ, muốn thực hiện tốt chức năng bảo vệ thiểu số và quyền lợi của cá nhân phải tăng cường hoạt động của tư pháp.

Từ những điều được phân tích trên có thể kết luận rằng, một chính quyền dân chủ với đúng nghĩa của từ này, thì từ khi thành lập ra các cơ cấu cho đến khi quyết định ra các chủ trương, chính sách và pháp luật chính quyền phải tuân theo nguyên tắc đa số, nhưng phải tính đến quyền lợi của thiểu số; khi thi hành và nhất là khi bảo vệ thì lẽ đương nhiên lại phải tính đến quyền lợi của từng cá nhân, với mục đích ngăn ngừa sự bất bình đẳng, sự oan sai cho từng trường hợp cá nhân cụ thể. Chính quyền với những nhà lập pháp và hành pháp có thể làm nên những thành tựu cao sang cho nhà nước mọi người đều có thể nhận ra một cách dễ dàng như bằng hàng loạt những công trình với kiến trúc nguy nga tráng lệ, nhưng chỉ một vụ án oan sai của tư pháp, thì những hình ảnh nguy nga nói trên của chính quyền cũng sẽ bị suy sụp

hoàn toàn trước mắt của người dân. Trong tất cả các chính quyền dân chủ từ xưa đến hiện nay, chỉ có nước Mỹ là nơi duy nhất sớm nhận ra vai trò tối thượng của Tòa án, mà ngay cả những quốc mẫu của họ cũng không nhận ra.

Bản dự thảo được thông qua với điều khoản quy định phải có 3/4 nghị viện các tiểu bang đồng ý phê chuẩn. Nhưng kết quả là không đủ số tiểu bang phê chuẩn theo yêu cầu của quy định nói trên. Sự trớ trêu ở đây là những tiểu bang như Virginia của vị Chủ tịch Hồng đồng Lập hiến Washington, và cùng các tiểu bang quan trọng khác như: Massachusetts, New York của Hamilton lại là những tiểu bang phản đối. Lý do xác đáng nhất của các tiểu bang không phê chuẩn là bản dự thảo hiến pháp không có điều khoản về nhân quyền. Mãi 3 năm sau với việc bổ sung 10 tu chính án thêm vào bản dự thảo hiến pháp mới có đủ được số lượng các tiểu bang cần phải phê chuẩn. 10 tu chính án này là tuyên bố nhân quyền của Hợp chúng quốc Mỹ châu. Cho đến nay 10 tu chính án này vẫn là một nội dung không thể thiếu được của Hiến pháp Hoa Kỳ. 10 tu chính án này cùng bản hiến pháp chính vẫn tạo thành 1 bản hiến pháp của Mỹ với một giọng văn rất kiêu hãnh, đầy tự hào và đầy thách thức. Mặc dù chỉ bao gồm có 10 điều khoản thôi, mà người Mỹ vẫn tự hào về nó. Đây cũng là lý do khiến người Mỹ căm că phê chuẩn muộn màng các công ước cơ bản của Liên hợp quốc về nhân quyền.

Mặc dù không có Hiến pháp thành văn như các quốc gia khác, nhưng với tinh thần của hệ thống thống luật với các loại nguồn đa dạng khác nhau gồm cả các học lý, người Anh đã có trong mình những thể hiện của suy đoán vô tội. Thực hiện những điều này là để nhằm mục đích bảo vệ nhân quyền của mọi người dân. Theo Dicey (thế kỷ XIX), một chuyên gia lớn của ngành Hiến pháp Anh quốc, thì đó là “quy tắc của luật pháp”:

“... không một người nào có thể bị trừng phạt, hay theo pháp luật có thể bị thương tổn về thể chất hay tài sản, ngoại trừ nếu người đó rõ ràng phạm pháp với điều kiện là sự phạm pháp này được xác định một cách hợp pháp bởi tòa án thông thường của đất nước”. [7, 423]

Ra đời muộn hơn, *Hiến pháp của Italia* quy định rõ nguyên tắc suy đoán vô tội. Điều 27 (Các quyền của bị cáo): 1) Trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng đối với cá nhân; 2) Bị cáo được coi là vô tội cho đến khi bị kết án; 3) Các hình phạt không được vô nhân đạo và cần nhằm mục đích tái giáo dục người bị kết án; 4) Hình phạt tử hình bị cấm.

Hiến pháp Nhật Bản, nguyên tắc suy đoán vô tội được thể hiện bằng một loạt các quy định. Không ai bị tước bỏ quyền sống, quyền tự do hay phải chịu các hình phạt hình sự trừ khi bị xét xử theo thủ tục do luật pháp quy định. (Điều 31). Không ai bị bắt bớ mà không có sự cho phép của tòa án có thẩm quyền trong đó chỉ rõ hành vi phạm tội, trừ trường hợp đương sự bị bắt quả tang. (Điều 33). Không ai bị giam giữ nếu không được thông báo tội trạng và nếu không có luật sư bên vực, không có chứng cứ xác đáng. Nếu có đơn khiếu nại, cần phải được công bố ngay tại phiên tòa công khai trước bị cáo và luật sư. Nếu không có lệnh của tòa án trình bày lý do, thông báo về chỗ khám xét, đồ vật bị tịch thu thì mọi giấy tờ, vật dụng, nhà ở đều được pháp luật bảo vệ, ngoại trừ trường hợp theo. Mọi lệnh khám xét, tịch thu đều phải có sự cho phép của viên chức Tư pháp có thẩm quyền. Sự tra tấn hay việc thực hiện các hình phạt tàn bạo của bất kỳ viên chức nào bị tuyệt đối cấm. Trong tất cả các vụ án hình sự, bị cáo được xét xử nhanh chóng, công khai bởi một Hội đồng xét xử công minh. Bị cáo có quyền đối chất với các nhân chứng, có quyền yêu cầu nhân chứng ra trước tòa để bên vực mình, mọi chi phí và sự đi lại hầu tòa của nhân chứng do quốc gia đài thọ. Bị cáo được luật sư bào chữa. Nếu trong các quy trình thủ tục, bị cáo không có tiền thuê luật sư thì tòa án sẽ chỉ định một luật sư để bào chữa cho bị cáo. Không ai bị bắt buộc khai trái sự thật. Những lời thú tội vì ép buộc, tra tấn, đe dọa hay do thời gian giam cầm lâu không được coi là bằng chứng. Không ai bị kết án hay trừng phạt nếu chứng cứ buộc tội chỉ dựa trên lời thừa nhận của bản thân bị cáo (Điều 38). Không ai phải chịu trách nhiệm về hình phạt đối với một hành vi được coi là hợp pháp vào thời điểm thực hiện hay đã được xử

trắng án hoặc được thực hiện trong trường hợp không bị đặt vào tình trạng nguy hiểm.

Người bị buộc tội vẫn được coi là vô tội cho đến lúc tội được chứng minh theo một trình tự do pháp luật liên bang quy định và được tuyên bởi một bản án có hiệu lực pháp lý. Người bị buộc tội không có nghĩa vụ phải chứng minh tội của mình. Các tình tiết gây nghi ngờ được giải thích có lợi cho người bị buộc tội (Điều 41). Không một ai có nghĩa vụ phải cung cấp chứng cứ chống lại chính mình, vợ hoặc chồng mình, những người thân của mình do pháp luật liên bang xác định. Pháp luật có thể quy định những trường hợp khác khi không phải cung cấp chứng cứ (Điều 51).

2. Hiến pháp Việt Nam và nguyên tắc suy đoán vô tội

Việc quy định nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định trong Hiến pháp trải dài theo nhận thức của chúng ta về nguyên tắc, từ chỗ không thừa nhận đến chỗ thừa nhận là cả một thời gian dài từ hiến pháp của nền dân chủ cộng hòa sang đến nền Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp năm 1946, 1959 của Việt Nam Dân chủ cộng hòa, và Hiến pháp 1980 của chế độ CHXHCN Việt Nam không quy định rõ quyền suy đoán vô tội.

Mãi đến Hiến pháp năm 1992 Hiến pháp của thời kỳ đổi mới mới có quy định thể hiện nguyên tắc suy đoán vô tội. Việc quy định quyền suy đoán vô tội như là một trong những biểu hiện của thành công của công cuộc đổi mới được Đảng và Nhà nước phát động kể từ Đại hội Đảng Cộng sản lần thứ 6 năm 1986. Mặc dù là thành công, nhưng về mặt hình thức vẫn còn chứa đựng một khoảng trống. Nội hàm suy đoán vô tội lại được quy định theo tư duy ngược lại có tội: *Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật* - Điều 72 Hiến pháp năm 1992. Không ai bị coi là có tội tức là suy đoán có tội.

Thứ nữa là nội hàm của nguyên tắc chưa được quy định trong Hiến pháp. Nhận thức nêu trên cùng với những thực tiễn điều tra, truy tố

xét xử đã thành những câu thành ngữ ăn sâu trong hoạt tư pháp của Việt Nam như: *Án tại hồ sơ, tâm phục khẩu phục*,...nguyên tắc suy đoán vô tội, rất ít có cơ hội cho việc thực hiện trên thực tế xét xử ở Việt Nam, trừ những trường hợp hy hữu như vụ án Tạ Đình Đề - người của người cận về nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh [8].

Hiến pháp năm 2013 mới đã chỉnh lại bằng quy định mới, theo cách tư duy của suy đoán vô tội. Hiến pháp mới có nhận thức đúng hơn về nguyên tắc suy đoán vô tội cả về mặt hình thức lẫn nội dung. Không những chỉ được quy định bằng một quy định, suy đoán vô tội còn được quy định bằng một loạt các biểu hiện có liên quan, từ quyền bào chữa cho đến quyền được bồi thường thiệt hại khi bị điều tra, truy tố, xét xử một cách oan sai. Điều 31 quy định:

1. *Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.*

2. *Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai.*

3. *Không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm.*

4. *Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa.*

5. *Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật.*

Mặc dù nội hàm quyền suy đoán vô tội về cơ bản được liệt kê ở các khoản ở Điều 31 trên, nhưng vẫn chưa đủ. Một loạt các khoản của các điều 19, 20, 21 của Hiến pháp đều có liên quan đến quyền suy đoán vô tội. Nhất là khoản 2 Điều 20: Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định. Ngoài ra còn cả Bộ luật Tố tụng Hình sự của nước CHXHCN Việt Nam

đều có nội dung thể hiện quyền suy đoán vô tội. Trong quá trình tố tụng từ khâu điều tra cho đến tòa án tuyên bố có tội, bị can, bị cáo luôn được coi là không có tội với những nội dung biểu hiện: i. Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định và có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật; ii. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội thì cơ quan, người có thẩm quyền THTT phải kết luận người bị buộc tội không có tội; iii. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến tố tụng, người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh mình là vô tội/ được quyền im lặng. [9]

Nhận thức thì đã khó khăn như vậy, thực tế thì lại càng khó khăn hơn. Tất cả những biểu hiện nêu trên đều có những biểu hiện mâu thuẫn với nhiều thực tiễn đã hình thành thành câu thành ngữ quen thuộc trong hoạt động tố tụng hình sự trong ngành tư pháp của chúng ta trước đây như: “án tại hồ sơ”; “tâm phục khẩu phục”; “án bỏ túi”; “không khai báo thành khẩn, thì tội sẽ càng nặng hơn”... Với nguyên tắc xét hỏi là cơ bản và tranh tụng không được hoặc rất ít được áp dụng trong xét xử, thì nguyên tắc suy đoán vô tội rất ít được áp dụng trên thực tế hiện nay, nguy cơ án oan sai là rất lớn.

3. Kết luận

Suy đoán vô tội là một vấn đề phức tạp thể hiện sự tiến triển nhận thức của con người trong mối quan hệ quan trọng mật thiết không thể tách rời giữa nhà nước, một thiết chế xã hội được mọi người dân thành lập ra với mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình với người dân, khi quyền của họ có nguy cơ trong sự vi phạm ở trạng thái tự nhiên. Nhận thức của người thay mặt nhà nước đối với hành vi tội phạm, phải tuân theo quy luật của nhận thức

phải tuân theo quy tắc suy đoán vô tội. Mặc dù chỉ là một hành vi nhận thức, nhưng rất quan trọng liên quan đến quyền và lợi ích của bị can, bị cáo, là một biểu hiện của mục tiêu bảo vệ nhân quyền của nhà nước được quy định trong văn bản có hiệu lực cao nhất của quốc gia. Đó là Hiến pháp của mỗi quốc gia. Lịch sử quy định nguyên tắc suy đoán vô tội trong Hiến pháp Việt Nam cũng thể hiện nhận thức khó khăn của nền lập hiến Việt Nam. Trải qua nhiều lần sửa đổi và bổ sung cuối cùng suy đoán vô tội cũng đã được Hiến pháp Việt Nam những quy định một cách trang trọng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vương Đức Phong và Ngô Hiếu Minh: 10 nhà tư tưởng lớn thế giới, Nxb. Văn hóa thông tin 2003 tr. 188 – 189
- [2] J. Lokce, Chuyên luận thứ hai về chính quyền dân sự, Nxb. Tri thức 2005 tr. 289
- [3] G. Alfredsson & A. Eide (Chủ biên), Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền, Nxb. Thanh niên tr. 221
- [4] Greg Russell: Chủ nghĩa lập hiến, Văn phòng Chương trình Thông tin quốc tế Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tr. 17
- [5] Melvin Urofsky, Individual Freedom and Bill of Rights, p. 60. U.S. Department of State Bureau of international information programs, <http://usinfo.state.gov/>
- [6] Charles Evans Hughes, Diễn văn đọc tại Elmira, New York, 1907
- [7] Alffred De Grazia: Chính trị học yếu lược, Trung tâm nghiên cứu Việt Nam, tr. 423
- [8] Dicey: Introduction to the Study of the law of the Constitution 1926
- [9] Thẩm phán - Phùng Lê Trân người đã tuyên Tà Đình Đề vô tội / Tòa án nhân dân điện tử, ngày 02 tháng 02 năm 2018
- [10] Nguyễn Thành Long, Nguyên tắc suy đoán vô tội trong luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011 tr. 52.